

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về dự toán chi ngân sách năm 2021
đối với Trường THCS Lý Tự Trọng

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại UBND quận Gò Vấp Phòng tài chính - Kế hoạch có buổi
có buổi làm việc với trường THCS Lý Tự Trọng về dự toán chi ngân sách
năm 2021,

Thành phần gồm có :

A. Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Bà: Trần Khôi Nguyên

Chức vụ: Chuyên viên

Bà: Đặng Thị Hồng Ngân

Chức vụ: Chuyên viên

B. Đại diện trường THCS

Lý Tự Trọng

Ông/Bà:

Chức vụ: Hiệu Trưởng

Ông/Bà:

Chức vụ: Kế toán

I. Số liệu dự toán chi ngân sách :

Qua thảo luận, ý kiến tham gia của các bên cùng ghi nhận số liệu dự toán chi ngân sách năm 2020
như sau:

1. Kinh phí thường xuyên: (a+b+c+d+e2+2)

19.424.975.176 đồng

(Kèm theo phụ lục xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2021)

a. Chi cho con người:

12.356.836.084 đồng

Nội dung	Nguồn 13 (tính trên mức lương cơ sở 1,21)	Nguồn 14 (chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 và 1,21)
Tổng nguồn	6.849.947.940	5.506.888.144
- Lương	4.058.920.800	939.254.400
- Các khoản phụ cấp	1.257.867.600	291.076.800
- Phụ cấp nhà giáo	451.150.920	104.398.560
- Các khoản đóng góp	1.082.008.620	250.382.160
- Cấp bù học phí theo NQ 25		779.040.000
- Thực hiện NQ03 /2018		3.142.736.224
- Nghỉ việc theo NĐ 108 và NQ 25		

b. Kinh phí định biên chênh lệch:

881.063.820 đồng

Chênh lệch định biên nguồn 13

(tính trên mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng)

715.494.780 đồng

Chênh lệch định biên nguồn 14

(chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng và 1,21 triệu đồng)

165.569.040 đồng

c. Chi hoạt động theo học sinh:

2.702.836.000 đồng

2.164 học sinh x 1.249.000đ/học sinh

- Thực hiện tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên

270.283.600 đồng

d. Chi thường xuyên khác:

144.000.000 đồng

- Bổ sung 02 bảo vệ & 02 tạp vụ:

144.000.000 đồng

- đồng

e. Thực hiện Nghị quyết 03

- Nhu cầu chi NQ03	6.137.038.224	đồng (e1)
- Sử dụng nguồn CCTL năm 2020 chuyển sang năm 2021	2.994.302.000	đồng (e2)
- 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2020		đồng (e3)
=> Ngân sách cấp NQ03 (e1-e2-e3)	3.142.736.224	đồng

2. Kinh phí không thường xuyên:

- PC GV dạy hòa nhập khuyết tật	311.007.272	đồng
- Miễn, giảm học phí	9.990.000	đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập	9.900.000	đồng
- Học buổi 2	5.040.000	đồng
- Phở cấp	10.000.000	đồng

3. Số thu sự nghiệp:

- Thu học phí	1.168.560.000	đồng (3a)
- Thu căn tin giu xe học sinh		
- Thực hiện nộp thuế		

' - Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, tại Khoản 1 Điều 44 quy định: "Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này".

- Thực hiện Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, tại Khoản 4 Điều 15 quy định: "Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc cho thuê, hợp tác, kinh doanh, liên doanh, liên kết không đúng quy định vào ngân sách trung ương (đối với nhà, đất thuộc trung ương quản lý), vào ngân sách địa phương (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước."

' - Thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Dự trữ Quốc gia, Kho bạc Nhà nước.

- Tại Công văn số 710/TCKH ngày 28/9/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về góp ý xây dựng "Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (lần 2). Theo phụ lục đính kèm các đơn vị chưa hoàn chỉnh Đề án theo yêu cầu.

Do đó, đối với số thu từ hoạt động giữ xe, căn tin (nếu có), đề nghị đơn vị thực hiện theo quy định Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 63/2019/NĐ-CP, Phòng Tài chính - Kế hoạch không đưa vào dự toán năm 2021 và không thực hiện trích lập nguồn CCTL từ nguồn thu này. Đề nghị đơn vị tiếp tục hoàn chỉnh Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê (căn tin, giữ xe) và nộp về Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Sau khi đề án được phê duyệt, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân quận điều chỉnh theo quy định.

4. Tổng ngân sách cấp năm 2020 (1+2-3e):

19.424.975.176 đồng

Trong đó: chi tiết như sau:

Chi thường xuyên nguồn 13	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) NGUỒN 14	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng hệ số từ 1,21 trở lên 1,49 trở và cấp bù học phí (NGUỒN 14)	Kinh phí NQ03 (NGUỒN 14)	Chi không thường xuyên
1	2	3	4	5
10.141.995.120	270.283.600	2.529.720.960	3.142.736.224	345.937.272

Ghi chú :

- Kinh phí thực hiện NQ03: được bố trí đủ theo dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện NQ03 năm 2021, đơn vị sử dụng CCTL của đơn vị từ năm 2020 chuyển sang năm 2021 và nguồn CCTL ngân sách cấp trong năm 2021: 6.137.038.224 đồng
(Ngân sách: 3.142.736.224 đ; nguồn đơn vị: 2.994.302.000 đ).

II. Ý kiến của các bên:

1. Phòng Tài chính – Kế hoạch:

Khi được phân giao dự toán, đề nghị đơn vị thực hiện phân bổ dự toán; quản lý, sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Trường THCS Lý Tự Trọng

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG



Dương Hữu Đức

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Trần Khôi Nguyên

Trần Khôi Nguyên

Đặng Thị Hồng Ngân

Đặng Thị Hồng Ngân

	Nội dung	Số người làm việc được giao	Số người làm việc có mặt - Số người được hưởng chế độ quy định	Hệ số	Mức lương tối thiểu (1.210.000) NGUỒN 13	Mức lương tối thiểu (1.490.000)	Nguồn 14			Kinh phí C/lịch lương (1.490.000d-1.210.000) sử dụng từ nguồn hoạt động, nguồn thu để lại	Tổng Dự toán năm 2021	Ghi chú
							Tổng NGUỒN 14	Kinh phí C/lịch lương (1.490.000d-1.210.000)	Tổng kinh phí theo NQ03/2018 (mức hệ số 1,2)			
	A	1	2	3	4=3*1.210.000d	5=3*1.490.000d	6=7+8	7=5-4	8=9+10	9	10=4+6	
	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH	109			11.537.255.992	9.316.123.680	7.887.719.184	1.750.680.960	6.137.038.224	0	19.424.975.176	
I	Chi cho con người				6.849.947.940	8.435.059.860	7.722.150.144	1.585.111.920	6.137.038.224	0		
A	Định biên	101	82									
I	Biên chế	101	82		5.767.939.320	7.102.669.080	7.471.767.984	1.334.729.760	6.137.038.224	0		
I	Biên chế	101	82	279,54	4.058.920.800	4.998.175.200	6.937.064.640	939.254.400	5.997.810.240	0		279,540
	Tiền lương mục 6000											Hiệu trưởng, hiệu phó
a	Cán bộ quản lý			3	13,62	197.762.400	243.525.600	337.993.920	45.763.200	292.230.720		
b	Giáo viên			72	240,15	3.486.978.000	4.293.882.000	5.959.562.400	806.904.000	5.152.658.400		Thư quỹ, Thiết bị, Văn thư
c	Nhân viên			7	25,77	374.180.400	460.767.600	639.508.320	86.587.200	552.921.120		
2	Hợp đồng trong chi tiêu (giáo viên, nhân viên)	0	0	-		0	0	0	0			(không tính tình hình giảng)
a	Giáo viên					0	0	0	0			Kế toán, y tế (theo TT16)
b	Nhân viên					0	0	0	0			
3	Hợp đồng Nghị định 68 (Quận & trường kỹ)	0	0	-		0	0	0	0	0		Chênh lệch từ 1,21 trở lên 1,49 triệu đơn vị lấy từ nguồn 13, nguồn thu được để lại
1	Bảo vệ					0	0			0		
2	Phục vụ					0	0			0		
IV	Phụ cấp trừ phụ trội			86,63	1.257.867.600	1.548.944.400	430.304.784	291.076.800	139.227.984			
	Chức vụ (6101)		20	4,50	65.340.000	80.460.000	111.672.000	15.120.000	96.552.000			
	Vượt khung (6117)		5	1,99	28.880.280	35.563.320	49.359.024	6.683.040	42.675.984			
	Ưu đãi (6116)		76	79,5410	1.154.935.320	1.422.193.080	267.257.760	267.257.760				
	Trách nhiệm		3	0,60	8.712.000	10.728.000	2.016.000	2.016.000				
	Độc hại		0	-		0	0	0	0			
V	Phụ cấp nhà giáo		60	31,07	451.150.920	555.549.480	104.398.560	104.398.560				Chỉ bổ tri chênh lệch biên chế
C	Số định biên chênh lệch		19	39,90	715.494.780	881.063.820	165.569.040	165.569.040				Hệ số bình quân tính cho đối tượng chênh lệch định biên (Khối THCS)
	Hệ số bình quân			2,10								Số định biên chênh lệch x HS bình quân x lương CB
	Tiền lương		19	39,90	579.348.000	713.412.000	134.064.000	134.064.000				
	Các khoản đóng góp (23,5%)				136.146.780	167.651.820	31.505.040	31.505.040				
II	Chi hoạt động : 2,164 HS * 1.249.000d/HS (từ mục 6200,6250,6400...)		2,164		2.702.836.000							
III	Các khoản nhà nước chi trả (23,5%)				975.988.154	1.201.836.652	225.848.498	225.848.498				
1	Các khoản đóng góp (6300)				975.988.154	1.201.836.652	225.848.498	225.848.498				
	17,5% BHXH											
	3% BHYT											
	2% KPCĐ											
	1% BHTN											Chỉ tính những GV có PC TN nhà giáo. Phần hệ số PC NG)
IV	Các khoản nhà nước chi trả (23,5%)				106.020.466	130.554.128	24.533.662	24.533.662				
1	Các khoản đóng góp (6300)				106.020.466	130.554.128	24.533.662	24.533.662				
	17,5% BHXH											
	3% BHYT											
	2% KPCĐ											
	1% BHTN											
V	Các khoản theo mục tiêu				1.268.977.272							
a	Nguồn không thường xuyên (12)				345.937.272							
1	PC GV dạy hòa nhập khuyết tật				311.007.272							
2	Miễn, giảm học phí				9.990.000							
3	Hỗ trợ chi phí học tập				9.900.000							
4	Học buổi 2				5.040.000							
5	Hỗ trợ trường tổ chức phổ cập				10.000.000							
b	Nguồn thường xuyên (13)				144.000.000							
1	Hỗ trợ bảo vệ tập vụ				144.000.000							
c	Nguồn CCTT (14)				779.040.000							
1	Cấp bù học phí theo NQ25				779.040.000							
2	Nghị việc theo ND108 và NQ25					0						

Người lập biểu

Dương Quỳnh Trang

Ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng

TRƯỜNG

TRƯỜNG HỌC CƠ SỞ

LÝ TỰ TRỌNG

QUẬN VĂN PHÒNG

Dương Hữu Đức

PHỤ LỤC DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ
(Ban hành kèm Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị : đồng

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	DỰ TOÁN THU NĂM 2021	DỰ TOÁN CHI NĂM 2021						DỰ TOÁN CHI SÁCH CẤP 2020				Chi không thường xuyên 2020 NGUỒN 12
					Tổng sử dụng nguồn CCTL 2020 chuyển sang năm 2021 của đơn vị chi NQ 03; chênh lệch mức lương	TỔNG CHI NĂM 2021 2=3+4	3	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP 2020 4=5+...+10	5	Chi thường xuyên NGUỒN 13	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) NGUỒN 14	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng hệ số từ 1,21trđ lên 1,49 trđ +nq04 NGUỒN 14	Chi tính gián theo ND 108 và NQ 25	Cấp bù học phí	Kinh phí NQ03 (Nguồn 14)
9	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	1.168.560.000		19.424.975.000	2.994.302.000	16.430.673.000	10.141.995.000	270.284.000	1.750.681.000	0	779.040.000	3.142.736.000	345.937.000
			A	1	2=3+4		3	4=5+...+10	5	6	7	8	9	10	

Ngày tháng năm 2020
 Hiệu trưởng



Dương Văn Đức